

Bản án số: **205/2026/HS-ST**.

Ngày: 28/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 178/2026/TLST- HS ngày 10 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/HSST- QĐ ngày 09/7/2026 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phạm Sĩ T4**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26 tháng 8 năm 1996; Tại: Đồng Nai; Nơi cư trú: **Tổ H, ấp C, xã T, thành phố Đ**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 12/12, Nghề nghiệp: Nhân viên hỗ trợ kinh doanh; Họ và tên cha: **Phạm Sĩ Đ**, sinh năm 1963 (còn sống); Họ và tên mẹ: **Vũ Thị H**, sinh năm 1967 (còn sống).

- Vợ, con: có vợ là bà **Dương Thị T**, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2024.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt.

-Bị hại:

1. Hỷ **Lý M**, sinh năm 1989. Địa chỉ: **ấp T, xã B, Thành phố Đ** (vắng mặt)
2. **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **ấp B, xã H, Thành phố Đ** (vắng mặt)
3. **Đinh Tiến S**, sinh năm 1997. Địa chỉ: **ấp A, xã B, Thành phố Đ** (vắng mặt)

4. **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **ấp T, xã B, Thành phố Đ** (vắng mặt)

- Người có nghĩa vụ liên quan: **Công ty T5**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: **Phạm Sĩ T4** là nhân viên hỗ trợ kinh doanh của **Công ty T5** (**Công ty T5**) theo Hợp đồng lao động số **HĐ/XD-202401/00056655** ngày 12/01/2024. Từ tháng 3/2024, **T4** được phân công đến làm việc trực tiếp tại trụ sở **Công ty TNHH T6** (gọi tắt là **Cửa hàng X**) tại địa chỉ: **Ấp B, xã B, thành phố Đ** để phụ trách công việc tư vấn cho khách hàng khi có nhu cầu vay vốn theo 02 hình thức: “Vay trả góp xe máy” tại **Cửa hàng X** và “Vay tiền mặt” để mua sắm, chi tiêu cá nhân.

Quá trình làm việc tại **Cửa hàng X**, **T4** đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các khách hàng có nhu cầu vay vốn của **Công ty T5** nhằm mục đích để tiêu xài cá nhân và trả nợ. **T4** đã liên lạc với những người trong danh sách khách hàng của **Công ty T5** để chào mời sử dụng dịch vụ “vay tiền mặt” nhưng do những khách hàng này không đủ điều kiện vay tiền mặt nên **T4** đã hướng dẫn họ làm thủ tục vay gói “vay trả góp xe máy”. Sau khi **Công ty T5** giải ngân tiền vay vào tài khoản số 050004303927 của **Cửa hàng X** mở tại **Ngân hàng TMCP S1 (S2)** thì bà **Đỗ Thị Ánh T2** (chủ cửa hàng xe máy **Xuân Tụng**) chuyển lại tiền cho **T4** vào tài khoản ngân hàng số 0344559353 của **T4** mở tại **Ngân hàng M1**. Sau khi nhận được tiền, **T4** không đưa lại tiền cho khách hàng mà **T4** nói dối với khách hàng là số tiền vay đã bị **Ngân hàng S2** cản trở cho khoản nợ của cửa hàng xe máy **Xuân T3** và **T4** đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền mà **Công ty T5** giải ngân cho khách hàng. Bằng cách thức thủ đoạn trên, **T4** đã lập 03 hồ sơ “Vay trả góp xe máy” để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của 03 khách hàng có nhu cầu vay vốn của **Công ty T5**, cụ thể như sau:

- Ngày 30/5/2024, **T4** lấy thông tin chiếc xe Honda – SH Mode, số khung **RLHJF1830RA65520** lập hồ sơ “Vay trả góp xe máy” cho khách hàng **Hỷ Lý M** (sinh năm 1989, địa chỉ: **Ấp T, xã B, thành phố Đ**) để vay số tiền 58.817.000 đồng (trong đó: tiền vay mua bảo hiểm: 3.817.000 đồng, tiền vay cho mục đích khác: 53.000.000 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 4402346528. **T4** hứa với bà **M** sau khi hồ sơ đăng ký gói vay tín chấp bằng hình thức trả góp của bà được **Công ty T5** duyệt thì **T4** sẽ rút số tiền trên chuyển khoản vào số tài khoản của bà **M**. Do đang có nhu cầu vay để xây nhà nên bà **M** đã đồng ý với **T4**. Bà **M** đã đưa thiện thoai di động cho **T4** thao tác thực hiện vay tín chấp bằng hình thức trả góp và để thiện chụp hình cũng như căn cước công dân để làm hồ sơ vay. Cùng ngày, **Công ty T5** đã giải ngân số tiền 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng), sau đó bà **T2** đã chuyển số tiền

32.300.000 đồng vào tài khoản của T4 và đưa 20.000.000 đồng tiền mặt, còn lại 700.000 đồng là chi phí T4 cho bà T2. Sau khi nhận được tiền T4 nói dối với bà H1 Lý Mùi là số tiền vay đã bị Ngân hàng S2 cản trừ cho khoản nợ của cửa hàng xe máy Xuân T3 và T4 đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền mà Công ty T5 giải ngân cho bà T2 (chủ cửa hàng xe máy Xuân Tụng).

- Ngày 23/6/2024, T4 sử dụng thông tin chiếc xe Yamaha Exciter, số khung RLCUG1910PY010924 lập hồ sơ “Vay trả góp xe máy” cho khách hàng Lê Thị Kim C (sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố Đ) để vay số tiền 38.264.000 đồng (trong đó: tiền vay mua bảo hiểm: 3.264.000 đồng, tiền vay cho mục đích khác: 35.000.000 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 4402727913. T4 hứa với bà C sau khi hồ sơ đăng ký gói vay tín chấp bằng hình thức trả góp của bà được Công ty T5 duyệt thì T4 sẽ rút số tiền trên chuyển khoản vào số tài khoản của bà C. Do đang có nhu cầu vay tiền nên bà C đã đồng ý với T4. Bà C đã đưa thiện thoại di động cho T4 thao tác thực hiện vay tín chấp bằng hình thức trả góp và để thiện chụp hình cũng như căn cước công dân để làm hồ sơ vay. Ngày 24/6/2024, Công ty T5 đã giải ngân số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu đồng) vào tài khoản của cửa hàng xe máy X, sau đó bà T2 đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của T4. Sau khi nhận được tiền T4 nói dối với bà C là số tiền vay đã bị Ngân hàng S2 cản trừ cho khoản nợ của cửa hàng xe máy Xuân T3 và T4 đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền mà Công ty T5 giải ngân cho bà T2 (chủ cửa hàng xe máy Xuân Tụng).

- Ngày 07/7/2024, T4 sử dụng thông tin chiếc xe Yamaha Exciter 2024, số khung RLCUG1910PY010924 để lập hồ sơ vay “Trả góp xe máy” cho khách hàng Đinh Tiến S (sinh năm 1997, địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Đ) để vay số tiền 40.915.000 đồng (trong đó: tiền vay mua bảo hiểm: 2.915.000 đồng, tiền vay cho mục đích khác: 38.000.000 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 4402934733. T4 hứa với ông S sau khi hồ sơ đăng ký gói vay tín chấp bằng hình thức trả góp của bà được Công ty T5 duyệt thì T4 sẽ rút số tiền trên chuyển khoản vào số tài khoản của ông S. Do đang có nhu cầu vay tiền nên ông S đã đồng ý với T4. Ông S đã đưa thiện thoại di động cho T4 thao tác thực hiện vay tín chấp bằng hình thức trả góp và để thiện chụp hình cũng như căn cước công dân để làm hồ sơ vay. Ngày 10/7/2024, Công ty T5 giải ngân số tiền 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng), sau đó bà T2 đã chuyển số tiền 37.300.000 đồng vào tài khoản của T4, còn lại 700.000 đồng là tiền T4 cho bà T2. Sau khi nhận được tiền T4 nói dối với ông S là số tiền vay đã bị Ngân hàng S2 cản trừ cho khoản nợ của cửa hàng xe máy Xuân T3 và T4 đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền mà Công ty T5 giải ngân cho bà T2 (chủ cửa hàng xe máy Xuân Tụng).

Ngoài ra, vào ngày 23/10/2024, do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên T4 đã liên

hệ với khách hàng **Nguyễn Minh T1** (sinh năm 1982, địa chỉ: **Ấp T, xã B, thành phố Đ**) lấy lý do để làm hồ sơ tất toán khoản vay mua trả góp xe đạp điện trước đó của khách hàng **T1** tại **Công ty T5** (nhưng thực tế thì gói vay trả góp xe đạp điện trước đó của khách hàng **T1** đã thanh toán xong và không cần phải làm thêm bất cứ thủ tục gì khác) để yêu cầu khách hàng **T1** cung cấp thông tin cá nhân và điện thoại sau đó **T4** tự ý lập thủ tục mở thẻ tín dụng đứng tên khách hàng **Nguyễn Minh T1** có hạn mức với số tiền là 34.000.000 đồng. Đến ngày 25/10/2024, **T4** đã sử dụng thẻ tín dụng này rút số tiền 29.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Như vậy, tổng số tiền mà **bị can Phạm Sĩ T4** đã chiếm đoạt được của các khách hàng **Hỷ Lý Mùi, Lê Thị Kim C, Đinh Tiến S** và **Nguyễn Minh T1** là 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Ngày 09/9/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ**) đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với **Phạm Sĩ T4** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo **Phạm Sĩ T4** đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: Không.

Về dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo **Phạm Sĩ T4** đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các khách hàng **Hỷ Lý Mùi, Lê Thị Kim C, Đinh Tiến S** và **Nguyễn Minh T1** cho **Công ty T5**.

- Bản cáo trạng số: 91/CT-VKSKV3- HS ngày 06/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai truy tố bị cáo **Phạm Sĩ T4** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Phạm Sĩ T4** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Phạm Sĩ T4** mức án tù 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo **Phạm Sĩ T4** đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các khách hàng **Hỷ Lý Mùi, Lê Thị Kim C, Đinh Tiến S** và **Nguyễn Minh T1** cho **Công ty T5**.

Đối với đối tượng **Đỗ Thị Ánh T2**: Trong quá trình điều tra vụ án, **T2** đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi và tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi của bị cáo, mong Hội đồng xét

xử xem xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai truy tố. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 5/2024 đến tháng 10/2024, bằng thủ đoạn gian dối Phạm Sĩ T4 đã có hành vi chiếm đoạt tiền của các khách hàng Hỷ Lý Mùi, Lê Thị Kim C, Đinh Tiến S và Nguyễn Minh T1 với tổng số tiền chiếm đoạt là 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Xét thấy, hành vi của bị cáo như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ những căn cứ trên, xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là một thanh niên đang trong độ tuổi lao động nhưng do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo lợi dụng lòng tin của khách hàng chiếm đoạt của ông Hỷ Lý M, Lê Thị Kim C, Đinh Tiến S và Nguyễn Minh T1 tổng số tiền 155.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo là nhân viên hỗ trợ kinh doanh của Công ty T5 và có ký hợp đồng lao động, chiếm đoạt số tiền 155.000.000 đồng nên bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung là “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức....” Theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại; bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo hiện nay đang mang thai và nuôi con nhỏ; có cha là người có công với Cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo lần đầu phạm tội, tuy bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo **Phạm Sĩ T4** đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại **Hỷ L**, **Lê Thị Kim C**, **Đinh Tiến S** và **Nguyễn Minh T1** cho **Công ty T5**.

[5] Về vấn đề khác: Đối với đối tượng **Đỗ Thị Ánh T2**: Trong quá trình điều tra vụ án, **T2** đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi và tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố Bị cáo **Phạm Sĩ T4** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Sĩ T4**: **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc áp giải thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai ;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan ;
- Lưu hồ sơ vụ án – VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- VKS tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an T7 (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Q

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (3);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thiều Thị Phi Loan Phạm Minh Đức Trần Thị Kim Dung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chánh Nguyễn Trung Diễn

Trần Thị Kim Dung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Nguyên đơn dân sự (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chánh Thiều Thị Phi Loan

Trần Thị Kim Dung

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung

